

Bản án số: 13/2026/HNGĐ-ST

Ngày: 17/3/2026

V/v: Ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 9 - THÁI NGUYÊN

Thành phần Hội đồng xét xử gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thùy Linh

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Đàm Thị Hảo

2. Ông Vũ Xuân Quảng

Thư ký phiên tòa: Bà Bào Kim Vân – Thư ký viên Tòa án nhân dân khu vực 9 - Thái Nguyên.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân khu vực 9 - Thái Nguyên tham gia phiên tòa:
Bà Mạc Thị Quỳnh Đăng – Kiểm sát viên

Ngày 17 tháng 3 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 9 - Thái Nguyên xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 32/2025/TLST-HNGĐ ngày 24 tháng 10 năm 2025 về tranh chấp: “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 03/2026/QĐXXST-HNGĐ ngày 12 tháng 01 năm 2026 và Quyết định hoãn phiên tòa số 06/2026/QĐST-HNGĐ ngày 13/02/2026 giữa các đương sự:

- **Nguyên đơn:** Chị Lý Thị N, sinh năm 1999. Địa chỉ: Thôn N, xã B, tỉnh Thái Nguyên. Vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt.

- **Bị đơn:** Anh Sầm Văn S, sinh năm 1997. Địa chỉ: Thôn N, xã B, tỉnh Thái Nguyên. Nơi ở hiện nay: Đài Loan. Vắng mặt, không có lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN

*** Theo đơn khởi kiện ngày 17/10/2025, bản tự khai và các tài liệu nêu ý kiến trong hồ sơ vụ án, nguyên đơn chị Lý Thị N trình bày:**

- *Về quan hệ hôn nhân:* Chị Lý Thị N và anh Sầm Văn S kết hôn trên cơ sở tự nguyện, không vi phạm các điều kiện kết hôn và có đăng ký kết hôn hợp pháp vào ngày 20/3/2019 tại Ủy ban nhân dân xã C, huyện B, tỉnh Bắc Kạn (cũ) nay là Ủy ban nhân dân xã B, tỉnh Thái Nguyên.

Thời gian đầu kết hôn, anh chị chung sống hạnh phúc. Đến năm 2020 thì phát sinh nhiều mâu thuẫn và thường xuyên xảy ra tranh cãi khiến tình cảm hai vợ chồng không còn như trước. Bản thân anh chị đã cố gắng giải quyết và gia đình hai bên cũng hòa giải nhiều lần nhưng không thành. Từ ngày 13/12/2020 anh S đã đi xuất khẩu lao

động ở Đài Loan và cho đến nay thì không về nước lần nào cũng không liên lạc về hỏi thăm hay quan tâm đến chị N. Chị N xác định hai vợ chồng sống ly thân từ thời điểm đó cho đến nay và tình cảm vợ chồng đã sút mẻ nghiêm trọng, không thể hàn gắn được, cuộc sống chung không thể kéo dài nên đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Sầm Văn S.

- *Về con chung*: Chị Lý Thị N và anh Sầm Văn S không có con chung trong thời kỳ hôn nhân.

- *Về tài sản chung và nợ chung*: Chị Lý Thị N không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- *Về các thủ tục tố tụng tại Tòa án*: Do hiện nay chị N đang là lao động tự do, không sắp xếp được thời gian nghỉ để tham gia phiên tòa, do đó chị N có văn bản giữ nguyên toàn bộ yêu cầu khởi kiện và ý kiến, lời khai của mình đối với những vấn đề cần giải quyết trong vụ án và đề nghị Tòa án giải quyết vắng mặt mình trong tất cả các phiên họp, phiên tòa được mở theo quy định.

*** Về phía bị đơn anh Sầm Văn S:**

Trong quá trình giải quyết vụ án, căn cứ vào lời khai của nguyên đơn về nơi ở hiện nay của bị đơn, Tòa án đã tiến hành xác minh và xác định được hiện nay anh Sầm Văn S đang đi xuất khẩu lao động tại Đài Loan, tuy nhiên về địa chỉ cụ thể của anh S thì không trích xuất được thông tin do anh S không thực hiện đăng ký, khai báo với cơ quan quản lý cư trú và cũng không cung cấp cho gia đình được biết.

Tiến hành làm việc với bà Hoàng Thị P (là mẹ đẻ của anh S) được biết: Anh S vẫn thường xuyên liên lạc về với gia đình qua tài khoản mạng xã hội Facebook. Do đó, Tòa án đã giao thông báo về việc thụ lý vụ án, giấy triệu tập, thông báo về phiên họp về việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải cho bà P, đề nghị bà P thông báo cho anh S được biết để anh S nêu ý kiến đối với những vấn đề cần giải quyết trong vụ án và thực hiện việc bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình. Bà P xác nhận đã thông báo lại đầy đủ cho anh S được biết toàn bộ thông tin, nội dung liên quan đến vụ án theo yêu cầu của Tòa án. Bà P cung cấp thông tin, anh S đã biết việc chị N đề nghị giải quyết ly hôn và hiện nay cũng không có nhu cầu hàn gắn tình cảm với chị N, do vậy anh nhất trí ly hôn. Đồng thời anh S cũng không sắp xếp được thời gian về nước để tham gia tố tụng, ngoài ra không còn ý kiến gì khác.

*** Các tài liệu do Tòa án thu thập, xác minh tại địa phương thể hiện:**

Chị Lý Thị N và anh Sầm Văn S kết hôn hợp pháp theo quy định.

Về tình trạng hôn nhân của chị Lý Thị N và anh Sầm Văn S đúng như lời khai chị N đã cung cấp cho Tòa án. Mâu thuẫn giữa anh chị là có thật và anh chị đã ly thân từ năm 2020 do anh S đi xuất khẩu lao động tại Đài Loan và không về nước lần nào cho đến nay.

Về nơi cư trú của các đương sự: Hiện nay hộ khẩu thường trú của chị N và anh S vẫn cùng ở thôn N, xã B, tỉnh Thái Nguyên.

*** Tại phiên tòa:**

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử từ khi thụ lý vụ án cho đến trước khi nghị án đã được thực hiện đúng quy định của pháp luật.

Về việc tuân theo pháp luật của các đương sự: Nguyên đơn chấp hành đúng, bị đơn không chấp hành đúng quy định của pháp luật.

Về quan điểm giải quyết vụ án: Đề nghị HĐXX chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, tuyên xử cho chị Lý Thị N được ly hôn với anh Sầm Văn S.

Về con chung: Chị Lý Thị N và anh Sầm Văn S không có con chung, không đề nghị HĐXX xem xét, giải quyết.

Về chia tài sản chung, vay nợ chung: Chị Lý Thị N không yêu cầu giải quyết nên không đề nghị HĐXX xem xét.

Về án phí: Đương sự phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, qua quá trình thẩm tra và căn cứ vào kết quả tranh luận, tranh tụng tại phiên tòa, HĐXX nhận định:

[1] Về thẩm quyền: Nguyên đơn, bị đơn là công dân có quốc tịch Việt Nam, trước khi đi xuất khẩu lao động tại Đài Loan có hộ khẩu thường trú tại xã B, tỉnh Thái Nguyên. Do đó, vụ việc thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 9 - Thái Nguyên theo quy định tại các Điều 28, 35, 39, 469/Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2025 và Nghị quyết số 01/2025/NQ-HĐTP của HĐTP TANDTC ngày 27 tháng 6 năm 2025 hướng dẫn áp dụng một số quy định về tiếp nhận nhiệm vụ, thực hiện thẩm quyền của TAND.

[2] Về thủ tục tố tụng:

- Về thời hạn đưa vụ án ra xét xử: Vụ án được Tòa án nhân dân khu vực 9 - Thái Nguyên thụ lý số 32/2025/TLST-HNGĐ ngày 24 tháng 10 năm 2025. Quá trình giải quyết vụ án, các đương sự đều có ý kiến đề nghị Tòa án giải quyết nhanh chóng vụ việc trước thời hạn quy định để các đương sự ổn định xây dựng cuộc sống mới. Do đó, việc mở phiên tòa được thực hiện đúng quy định.

- Về sự vắng mặt của bị đơn trong quá trình giải quyết vụ án và phiên tòa xét xử: Hiện nay bị đơn đang sinh sống và làm việc tại nước ngoài và thông qua gia đình đã trình bày ý kiến không thể về Việt Nam để tham gia tố tụng, vì vậy vụ án thuộc trường hợp không hòa giải được. Nguyên đơn đã có đơn xin xét xử vắng mặt. Do vậy việc giải quyết và xét xử vắng mặt các đương sự là phù hợp quy định của pháp luật tại điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228, khoản 5 Điều 477 của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về thủ tục tố tụng của Tòa án: Anh Sầm Văn S hiện nay đang cư trú tại nước ngoài và có liên hệ với người thân thích ở trong nước, tuy nhiên người thân thích không cung cấp địa chỉ của bị đơn cho Tòa án, do đó xác định đây thuộc trường hợp cố tình giấu địa chỉ theo quy định tại Điều 10 của Nghị quyết số 01/2024/NQ-HĐTP ngày 16/5/2024 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật trong giải quyết vụ việc về hôn nhân và gia đình. Do vậy, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định.

[3] Về nội dung vụ án:

[3.1] Về quan hệ hôn nhân:

Chị Lý Thị N và anh Sầm Văn S kết hôn trên cơ sở tự nguyện, không vi phạm các điều kiện kết hôn và có đăng ký kết hôn hợp pháp tại Ủy ban nhân dân xã C, huyện B, tỉnh Bắc Kạn (cũ) nay là Ủy ban nhân dân xã B, tỉnh Thái Nguyên vào ngày 20/3/2019. Vì vậy, xác định hôn nhân giữa chị Lý Thị N và anh Sầm Văn S là hôn nhân hợp pháp.

Về tình cảm vợ chồng: Chị N khẳng định thời gian đầu kết hôn anh và chị chung sống hạnh phúc, sau đó thì phát sinh nhiều mâu thuẫn nên tháng 12/2020 anh S đi xuất khẩu lao động tại Đài Loan cho đến nay không liên lạc hỏi thăm, quan tâm cũng như không về nước thăm chị N và gia đình lần nào nên vợ chồng càng lạnh nhạt với nhau, không hòa hợp được. Như vậy, cuộc sống vợ chồng không còn nền tảng tình cảm, không có sự gắn bó nên không thể hàn gắn.

Hội đồng xét xử xét thấy: Hôn nhân giữa chị N và anh S đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Nay chị N có yêu cầu ly hôn, căn cứ khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình. Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Lý Thị N, tuyên xử cho chị N được ly hôn với anh Sầm Văn S.

[3.2] Về con chung: Không có.

[3.3] Về tài sản chung, nợ chung: Chị Lý Thị N không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] Về án phí: Nguyên đơn chị Lý Thị N phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

Vì các lẽ trên

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 56, 57, 122, 123, 127 của Luật Hôn nhân gia đình năm 2014; Các Điều 28, 35, 39, khoản 4 Điều 147, Điều 464, 469, 474, khoản 5 Điều 477, Điều 479 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2025; Điều 10 Nghị quyết số 01/2024/NQ-HĐTP ngày 16/5/2024 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật trong giải quyết vụ việc về hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án:

Tuyên xử: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Lý Thị N.

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Lý Thị N được ly hôn với anh Sầm Văn S.

2. Về con chung: Chị Lý Thị N và anh Sầm Văn S không có con chung.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Chị Lý Thị N không yêu cầu Tòa án giải quyết nên HĐXX không xem xét, giải quyết.

4. Về án phí: Chị Lý Thị N phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, được trừ vào số tiền 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tạm ứng án phí chị Lý Thị N đã nộp theo biên lai thu số 0001753 ngày 24 tháng 10 năm 2025 của Thi hành án dân sự tỉnh Thái Nguyên.

5. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (Mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Bị đơn ở nước ngoài có quyền kháng cáo trong thời hạn 01 tháng kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết hợp lệ theo quy định tại khoản 2 Điều 479 của Bộ luật tố tụng dân sự 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2025./.

“Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự”.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Thái Nguyên;
- VKSND tỉnh Thái Nguyên;
- VKSND khu vực 9 - Thái Nguyên;
- Phòng THADS khu vực 9 - Thái Nguyên;
- UBND xã Ba Bể;
- Các đương sự;
- Lưu HSVA; Văn thư.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Thùy Linh